

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2018/DS-PT.

Ngày: 28/9/2018.

“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Ông Nguyễn Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Thủy

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 04/2018/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2018, về việc *“Tranh chấp quyền sử dụng đất”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 119/2017/DS-ST ngày 17/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2018/QĐPT-DS ngày 12 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1947; (Có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Đình K, Văn phòng Luật sư F thuộc đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Quang S, sinh năm 1950; (Có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Trương Thanh Z, Văn phòng luật sư Y thuộc đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang. (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ: ấp V, thị trấn E, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh N. Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên – Môi trường huyện V, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt).

3.2 Ông Ngô Văn Ng (chồng bà Đ), sinh năm 1945. (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

3.3 Ông Ngô Văn M (con ông Nh). (Có mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

3.4 Bà Ngô Thị Mỹ L (con ông Nh). (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

4. *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1968. (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

5. *Người kháng cáo*: Bà Lê Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm; theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày: Nguồn gốc phần đất thửa 269, 270 là của cha chồng cho vợ chồng bà vào năm 1975. Vào năm 1978 ông Lê Quang S có đổi đất với bà phần đất ruộng diện tích 1.000 m². Sau đó ông S đào lấn ra thêm 1.804 m². Đến năm 1985 có chủ trương trả về đất gốc vợ chồng bà tiếp tục canh tác phần đất của gia đình. Thời điểm trả về đất gốc ông Lê Quang S có đến gia đình bà xin trả lại phần đất 1.000 m² nhưng là phần đất khác của ông S không phải phần đất đổi năm 1978. Vợ chồng bà không đồng ý, chỉ đồng ý nhận lại đất của gia đình bà nhưng ông S đã trồng cây trên đất nên sự việc kéo dài đến năm 2009 thì các bên tranh chấp con mương làm đường nước tại phần đất trên. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Quang S trả lại cho bà phần đất tổng diện tích 1.804 m² tại thửa 269, 270, đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày: Vợ chồng bà có đổi đất với bị đơn vào năm 1982; chứ không cho thành quả lao động trên đất. Việc đổi đất thỏa thuận miệng, không lập thành văn bản, đến nay bị đơn ông S không giao phần đất đổi nên phát sinh tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Quang S trình bày: Không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ, ông xác định không có đổi đất với bà Đ và ông Ngô Văn Ng như bà Đ trình bày. Thừa nhận phần đất tại thửa 269, 270 thuộc tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang, có nguồn gốc của ông Ngô Văn Nh. Năm 1982 ông S trực tiếp đến gặp ông Nh để xin phần đất thổ cư cất nhà ở ông Nh đồng ý. Đến năm 1984 có đơn xin phép lên đất thổ cư được Ủy ban nhân dân huyện chấp nhận, ông S có đem giấy tờ huyện cho phép lên thổ cư cho ông Nh xem ông Nh đồng ý và ông Ngô Văn Ng là con ông Nh là người trực tiếp đo đất cho ông S. Thời gian sau khi trả về đất gốc ông S có đến gặp ông Nh để trả hoa

lợi trên đất nhưng ông Nh không nhận và nói cho đất ông S. Ông S sử dụng đất liên tục và kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, tại biên bản hòa giải ngày 13/02/2009 của chính quyền ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang hòa giải về tranh chấp con mương ông Ngô Văn Ng thừa nhận đất đó ông N đã cho ông S và không tranh chấp; ông Nguyễn Văn Đ1 cũng được ông Nh cho đất xác nhận là thật cùng các nhân chứng tại thời điểm ông Nh còn sống. Nay ông S yêu cầu Tòa án xử bác yêu cầu của bà Đ. Buộc ông Ng và bà Đ trả lại phần đất diện tích 1.362 m² tại thửa 269, 270 thuộc tờ bản đồ số 8.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn Ng trình bày: Phần đất tranh chấp nguồn gốc của cha ông là ông Ngô Văn Nh, vợ chồng ông được ông Ngô Văn Nh cho vào năm 1975. Vào năm 1982 ông S là chỗ quen biết có đến nhà đề nghị đổi 01 công đất tầm nhỏ để ông S ở gần mẹ ông, vợ chồng ông đồng ý nên ông Ng có trực tiếp đo phần đất diện tích 1.000 m² cho ông S. Ông S đổi đất để cất nhà nhưng lên líp trồng cây, ông Ng cho rằng khi ông yêu cầu ông S trả lại đất thì ông S có hẹn khi cây lớn đốn sẽ trả lại đất nhưng đến nay chưa trả. Năm 2009, ông Ng và ông S có tranh chấp con mương ranh nhưng không có tranh chấp phần đất đổi. Ông Ng yêu cầu ông S trả phần đất trên cho vợ chồng ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn M trình bày: Ông là con của ông Ngô Văn Nh. Phần đất diện tích 24 công tầm 3m, ông Ngô Văn Nh đã cho vợ chồng ông Ng và bà Đ vào năm 1975 là thật. Nay ông không có yêu cầu gì phần đất trên. Nhưng phần đất ông S đang tranh chấp với ông Ng, bà Đ thì ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S trả lại đất cho ông Ng, bà Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Mỹ L trình bày: Bà là con của ông Ngô Văn Nh, cha mẹ có tất cả 02 người con ruột gồm bà và ông Ng và 01 người con nuôi là ông Ngô Văn M. Năm 1975 ông Ngô Văn Nh có cho đất ông Ngô Văn Ng và bà Lê Thị Đ là thật. Nay bà L không có yêu cầu gì đối với phần đất trên. Đối với tranh chấp giữa bà Đ và ông S yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang có ông Nguyễn Minh N làm đại diện trình bày: Giữ nguyên ý kiến theo văn bản số 431/UBND-TD ngày 20/5/2015 của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang xác định việc cấp giấy cho ông Lê Quang S là đảm bảo trình tự, thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Vụ án này trước đây được giải quyết bằng bản án dân sự sơ thẩm số 44/2011/DS-ST ngày 26/5/2011 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang, tuyên bác yêu cầu của bà Lê Thị Đ và bản án dân sự phúc thẩm số 63/2012/DSPT ngày 21/5/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, tuyên chấp nhận yêu cầu của

bà Lê Thị Đ. Ngày 08/6/2012, ông Lê Quang S có đơn xin giám đốc thẩm bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Viện Kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị số 156/QĐKN-GĐT-V5 ngày 27/02/2012 yêu cầu Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao hủy bản án dân sự sơ thẩm và bản án dân sự phúc thẩm trên và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện V xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 79/2013/DS-GĐT ngày 26/02/2013 của Tòa dân sự -Tòa án nhân dân tối cao tuyên hủy toàn bộ 02 bản án, với lý do *“Tòa án hai cấp phải xác minh làm rõ có việc đổi đất hay cho thành quả lao động trên đất, giữa vợ chồng ông Ng, bà Đ với ông S. Nếu có việc đổi đất cho ông S như bà Đ khai thì ông Ng chồng bà Đ có biết không? Có đồng ý không? Việc đổi đất cho đất nói trên trước hay sau khi đưa đất vào tập đoàn? Hồ sơ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất của ông S có thực hiện đúng quy định của pháp luật hay không?”* Với lý do nêu trên Tòa dân sự -Tòa án nhân dân tối cao tuyên hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 44/2011/DS-ST ngày 26/5/2011 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang và bản án dân sự phúc thẩm số 63/2012/DSPT ngày 21/5/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi có kết quả xét xử giám đốc thẩm Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang thụ lý, giải quyết lại vụ án.

Tại bản dân sự sơ thẩm số 119/2017/DS-ST ngày 17/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Đ về việc yêu cầu ông Lê Quang S trả lại phần đất tại ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Buộc bà Lê Thị Đ và ông Ngô Văn Ng có trách nhiệm giao trả lại phần đất diện tích 1.362 m² thuộc tờ bản đồ số 8; thửa 269, 270 đất tại ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 000192 ngày 20/10/1995 cho ông Lê Quang S được quyền tiếp tục sử dụng. (Có sơ đồ thửa đất kèm theo).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; chi phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/10/2017 bà Lê Thị Đ kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc ông S trả lại phần đất 1.362 m² cho bà Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi nghe người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn trình bày quan điểm. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe Kiểm sát viên trình bày quan điểm giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần đất tranh chấp giữa bà Lê Thị Đ và ông Lê Quang S, theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích 1.362 m² thuộc tờ bản đồ số 8; thửa 269, 270 đất tại ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ 000192 ngày 20/10/1995, do Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho ông Lê Quang S. Nguồn gốc phần đất tranh chấp bà Đ, ông S khai thống nhất là của ông Ngô Văn Nh là cha chồng của bà Đ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đ đòi ông S trả lại phần đất trên với lý do phần đất này vợ chồng bà được cha là ông Nh cho vào năm 1975. Vào năm 1982, bà Đ cho rằng có thỏa thuận miệng đổi 01 công đất với ông S, để tạo điều kiện cho ông S ở gần mẹ ruột. Bà Đ đã giao phần đất tranh chấp cho ông S quản lý, sử dụng nhưng từ khi đổi đất đến nay ông S không giao phần đất đổi lại cho bà Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Đ cho rằng có đổi đất với ông S nhưng bà không nêu lên được vị trí, tứ cận phần đất mà ông S phải giao lại cho bà, cũng không được phía ông S thừa nhận. Xét ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/10/1995, bà Đ cũng không khiếu nại và tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đối với ông S và cho đến năm 2010 thì bà Đ mới khởi kiện. Như vậy, ông S quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp gần 30 năm thì bà Đ mới khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất. Bà Đ cho rằng khi ông S kê khai quyền sử dụng đất ông S không báo với bà biết là không thuyết phục. Bởi lẽ, nếu có sự việc ông S chưa giao đất cho bà Đ thì khi kê khai quyền sử dụng đất bà Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai quyền sử dụng đối với phần đất tranh chấp cho mình. Nhưng khi ông Ng chồng bà Đ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất vào ngày 20/10/1995, đồng thời với việc ông S kê khai quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp nhưng ông Ng không kê khai phần đất tranh chấp. Ngoài ra, tại biên bản hòa giải về tranh chấp ranh đất (con mương) ngày 13/02/2009 (bút lục 342) ông Ng chồng bà Đ xác định trước đây ông S có xin phần đất thổ cư, được cha ông đồng ý, ông S có đến xin trả lại đất nhưng ông

Ng không nhận vì đất cha đã cho ông S. Lời khai này của ông Ng phù hợp với lời khai của ông S trong quá trình giải quyết vụ án xác định phần đất tranh chấp được cha ông Ng cho và phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Văn Đ1 cũng là người được ông Nh cho đất tại biên bản ngày 02/4/2014 của Ủy ban nhân dân xã B (bút lục 349), ông Đ1 xác định ông Nh có cho ông S 01 công đất. Điều này chứng minh bà Đ, ông Ng không thể đăng ký kê khai quyền sử dụng đất được vì phần đất tranh chấp không còn thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng bà Đ, ông Ng nữa. Đồng thời, ông S là người thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước từ năm 1990 đến năm 2011 (bút lục 67-87). Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S được Cơ quan có thẩm quyền khẳng định đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Luật sư Trần Đình K trình bày: Do ông Ngchồng của bà Đ với ông S là bạn thân, thời điểm năm 1980 ông Ng có đổi đất cho ông S, do quen biết nên không lập thành văn bản vì tin tưởng. Đối với đơn xin kê khai cấp quyền sử dụng đất của ông S năm 1995 ông S kê khai nguồn gốc đất của ông bà, cha mẹ để lại, nhưng tại phiên tòa ông S lại khai được Nhà nước cấp đã mâu thuẫn chính lời khai của ông. Việc ông S cho rằng ông Nh cho đất nhưng ông S không cung cấp được chứng cứ chứng minh, có ông M là người biết rõ nguồn gốc đất tranh chấp này là của ông Nh cho vợ chồng bà Đ. Phía bà Đ cũng cung cấp lời khai 10 người là những hộ dân sinh sống tại địa phương gần phần đất tranh chấp có lời khai cho rằng đất tranh chấp là của ông Nh cho bà Đ. Năm 2009, phát sinh mâu thuẫn con đường mương là do ông S không thực hiện đúng lời hứa nên bà Đ bắt đầu khởi kiện từ năm 2010 để yêu cầu lấy lại phần đất tranh chấp hiện nay. Nay yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của bà Đ, sửa bản án sơ thẩm, công nhận phần đất tranh chấp theo diện tích đo đạc thực tế là thuộc quyền sở hữu của bà Đ; đồng thời thu hồi, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Luật sư Trương Thanh Z trình bày: Việc đổi đất giữa nguyên đơn và bị đơn là không có, nguyên đơn cho rằng có đổi đất, phía ông S không thừa nhận, bà Đ cũng không cung cấp được chứng cứ gì khác chứng minh được việc đổi đất, đối với lời khai của bà Đ có sự mâu thuẫn về thời gian đổi đất. Bà Đ biết ông S có kê khai đăng ký quyền sử dụng đất nhưng bà không phát sinh tranh chấp tại thời điểm đó. Xét về quá trình sử dụng đất thì ông S sáng sử dụng lâu dài, công khai, ổn định. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét lời khai của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định phần đất

tranh chấp đã thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Sáng trên cơ sở ông S được ông Nh cho đất vào năm 1982.

[4] Bà Đ đòi lại quyền sử dụng đất đối với ông S nhưng bà Đ không có bất kỳ giấy tờ về quyền sử dụng đất, bà cũng không trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất trong thời gian dài (gần 30 năm), không thực hiện nghĩa thuế với Nhà nước nên cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của bà Đ là có căn cứ, đúng quy định nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo.

[5] Từ những nhận định trên và xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 135, Điều 136 Luật đất đai năm 2003.

Mục 2.4 Phần II của Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Đ, về việc yêu cầu ông Lê Quang S trả lại phần đất 1.362 m².

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 119/2017/DS-ST ngày 17/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Đ về việc yêu cầu ông Lê Quang S trả lại phần đất 1.362 m² tại ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

2. Buộc bà Lê Thị Đ và ông Ngô Văn Ng có trách nhiệm giao trả lại phần đất diện tích 1.362 m² thuộc tờ bản đồ số 8; thửa 269, 270 đất tại ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 000192 ngày 20/10/1995 do Ủy ban nhân dân huyện V tỉnh Hậu Giang cho ông Lê Quang S được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng.

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị Đ phải chịu 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí 1.804.000 đồng, bà Lê Thị Đ nộp ngày 21/4/2017, theo biên lai thu số 0011381 của Chi cục thi hành án dân sự

huyện V, tỉnh Hậu Giang. Bà Lê Thị Đ còn phải nộp thêm 2.196.000 đồng (hai triệu một trăm chín mươi sáu ngàn đồng), tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Ông Lê Quang S được nhận lại 3.357.000 đồng (ba triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn đồng), theo biên lai số 0006402 ngày 02/7/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Án phí dân sự phúc thẩm bà Lê Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), chuyển 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp theo biên lai số 0013695, ngày 25/10/2017 Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí phúc thẩm.

4. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá: 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), bà Lê Thị Đ phải chịu (đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 28/9/2018).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Quốc Tuấn